

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Sơn Thị Kim Lương**

Ông Lê Trường Hận

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Công Bằng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tố Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 333/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70B/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc Y**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số A Nguyễn T, Khóm B, Phường C, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Hữu T**, sinh năm 1977; ĐKTT: Số Z đường N, Khóm S, Phường 3, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu. Nơi ở hiện tại: Số A Nguyễn T, Khóm B, Phường C, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Y và Anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Ngọc Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Bùi Hữu T** tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28/2010, ngày 26/3/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc nhưng về sau, cả hai có sự xa cách mỗi người chỉ biết việc của mình, không quan tâm người kia làm việc gì,

Anh T lạnh nhạt và không quan tâm, giúp đỡ chị. Chị Y và Anh T đã bỏ mặc nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, ai làm việc nấy từ 4-5 năm nay. Chị Y đã cố gắng tạo cơ hội cho đôi bên hàn gắn, nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Tuy vợ chồng vẫn ở cùng nhà nhưng mỗi người ở một phòng riêng, mỗi người chỉ biết việc của mình, không quan tâm người kia. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với Anh Bùi Hữu T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và Anh T có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc P, sinh ngày 18/02/2016, hiện nay cháu P đang sống chung với chị và anh T. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Ngọc P, sinh ngày 18/02/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn Tài kiện chị Y yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tuy nhiên xét thấy bản thân chị có thu nhập ổn định, đảm bảo nuôi con nên chị Y có đơn rút lại phần yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung và nợ chung xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Hữu T có ý kiến trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Ngọc Y kết hôn năm 2010 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu ngày 26/3/2010, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống anh nhận thấy không có mâu thuẫn, vợ chồng vẫn ở cùng nhà, anh làm tròn trách nhiệm trong gia đình, anh xác định vợ chồng không có bất kỳ mâu thuẫn gì, anh không có bạo lực gia đình, không cờ bạc, rượu chè. Nay anh nhận thấy hôn nhân không mâu thuẫn như chị Y trình bày nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T thừa nhận giữa anh và chị Y có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc P, sinh ngày 18/02/2016, hiện nay cháu P đang sống chung nhà với anh và chị Y. Anh không đồng ý ly hôn nên không ý kiến về yêu cầu nuôi con của chị Y. Trường hợp ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung vì anh nuôi con đảm bảo hơn do chị Y thường đi làm vắng nhà, không có thời gian để chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trường hợp được quyền nuôi con thì anh không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị xác định không muốn hàn gắn với anh T, không thể kéo dài hôn nhân được nữa, chị kiên quyết ly hôn; chị giữ nguyên yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu về tài sản chung; nợ chung không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Bùi Hữu T xác định mâu thuẫn hôn nhân do chị Y không hiểu anh, tự chị Y làm tưởng mâu thuẫn hai người, anh vẫn quan tâm vợ và mâu thuẫn hôn nhân chưa đến mức trầm trọng, anh đã làm tròn trách nhiệm trong gia đình nên anh sẽ đợi chị Y hiểu anh và anh không đồng ý ly hôn. Về con chung, trường hợp phải ly hôn thì anh có yêu cầu được nuôi con do

anh đảm bảo điều kiện chăm sóc con hơn chị Y do con gần gũi anh hơn, chị Y bận việc, thường đi xa nên không đảm bảo chăm sóc con. Về tài sản chung anh không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung anh T cũng không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, chị Y và anh T chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn, không quan tâm, giúp đỡ nhau trong một thời gian dài, mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn và chị Y đã kiên quyết ly hôn nên xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y. Về con chung, giao con chung là Bùi Ngọc P, sinh ngày 18/02/2016 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Ngọc Y yêu cầu ly hôn với anh Bùi Hữu T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi Hữu T cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Y.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28/2010, ngày 26/03/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Y xác định cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, giữa chị và anh T có sự xa cách, anh T không quan tâm, phụ giúp chị trong đời sống hàng ngày, hai người chỉ biết việc của mình, không quan tâm người kia làm việc gì, có làm được hay không, có cần giúp hay không, thời gian như vậy kéo dài đã được 4-5 năm nay. Chị Y xác định không còn tình cảm đối với anh T nữa, anh T xác định hôn nhân vẫn bình thường, không mâu thuẫn và mong muốn được hàn gắn hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để chị Y và anh T hòa giải hàn gắn, đoàn tụ nhưng các bên vẫn chưa tìm được tiếng nói chung và đến phiên tòa hôm nay chị Y vẫn không muốn hàn gắn hôn nhân và kiên quyết ly hôn với anh T. Anh T mong muốn đoàn tụ hôn nhân với chị Y nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn hợp lý và chị Y không chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên

mối quan hệ tình cảm vợ chồng và các thành viên trong gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hai bên vun đắp thì mới có được cuộc sống hôn nhân bền lâu. Chị Y đã không còn tình cảm, không mong muốn hàn gắn hôn nhân nên hôn nhân giữa chị Y và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, hôn nhân từ một phía thì không hạnh phúc được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Nguyễn Ngọc Y ly hôn với anh Bùi Hữu T.

[2.2] Về con chung: Chị Y và anh T thống nhất xác định có một người con chung là cháu Bùi Ngọc P, sinh ngày 18/02/2016, con chung hiện vẫn sống chung với chị Y và anh T. Khi ly hôn chị Y và anh T đều yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phúc. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Y chứng minh được bản thân có điều kiện đảm bảo nuôi con, Anh T chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ chứng minh mà Tòa án yêu cầu nhưng xét anh T cũng có điều kiện nuôi con như chị Y. Tuy nhiên, cháu Bùi Ngọc P, sinh ngày 18/02/2016 hiện tại cháu mới 06 tuổi còn quá nhỏ, nên cần phải có sự chăm sóc của người mẹ, và cháu đã được mẹ chăm sóc từ khi sinh ra đến nay. Thực tế hàng ngày anh T đi làm thì chị Y là người ở nhà và trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Qua xác minh chính quyền địa phương xác nhận từ trước đến nay cháu P đều do chị Y chăm sóc, đưa rước đi học, quá trình chăm sóc cũng không nghe hàng xóm nói gì về việc chăm sóc con của chị Y. Như vậy hiện tại chị Y đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Ngoài ra, cháu P là con gái việc sống cùng với mẹ sẽ đảm bảo cho sự phát triển của cháu về sau này. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận giao cháu P cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống của cháu khi cha mẹ ly hôn. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị Y có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, ngày 31/8/2022 và tại phiên tòa hôm nay chị Y xin rút lại không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Y nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Y và anh T thống nhất xác định anh chị tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị Y và anh T thống nhất xác định anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Y yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Y.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc Y ly hôn với anh Bùi Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Ngọc P, sinh ngày 18/02/2016 cho chị Nguyễn Ngọc Y tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, (hiện cháu P đang sống chung cùng chị Y). Anh Bùi Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Ngọc Y không yêu cầu anh Bùi Hữu T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Y và anh T thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Y và anh T thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007805 ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án sơ thẩm xử công khai, Chị Nguyễn Ngọc Y và Anh Bùi Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Phạm Thị Chi